TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM BẢNG** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 02 - 2023.
V/v "Ly hôn, con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẢNG, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân.
Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Sen - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trịnh Văn V (Trịnh Văn V1), sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 26 tháng 9 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án, chị Lê Thị Th là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn V (tên gọi khác: Trịnh Văn V1) lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam ngày 10 tháng 10 năm 1998 và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc ở thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam được khoảng 06 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V rượu chè, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên can nhưng anh V

không thay đổi, thậm chí còn thường xuyên đánh chửi chị. Từ tháng 09 năm 2022, vợ chồng chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh V để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba người con chung là các cháu Trịnh Thị Kiến L, sinh năm 2001, Trịnh Quyết Th, sinh năm 2003 và Trịnh Lê Tú A, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2019. Hiện cả ba cháu đang ở với chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Đối với cháu L, cháu Th đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tự lập nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về con riêng: Không có.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Anh Trịnh Văn V là bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và không thay đổi bổ sung gì. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị Th. 1. Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Trịnh Văn V (Trịnh Văn V1). 2. Con chung: Giao cháu Trịnh Lê Tú A, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung. 3. Án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000081 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Trịnh Văn V là bị đơn; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Anh Trịnh Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Trịnh Văn V kết hôn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Hà Nam. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị Th, anh V chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V ham không quan tâm đến vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị Th, anh V đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Th xin ly hôn anh V là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2] Về con chung: Chị Th, anh V có ba người con chung là các cháu Trịnh Thị Kiến L, sinh năm 2001, Trịnh Quyết Th, sinh năm 2003 và Trịnh Lê Tú A, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2019. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Anh ở với chị Th, được chị Th nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Do cháu A còn nhỏ, rất cần sự chăm sóc của người mẹ và để không xáo trộn cuộc sống của cháu A, cũng như nguyện vọng của chị Th xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh V không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Đối với cháu L, cháu Th đã trên 18 tuổi, có cuộc sống tự lập, chị Th không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Con riêng : Không có.

[3] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[4] Về án phí: Chị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lê Thị Th và anh Trịnh Văn V (Trịnh Văn V1).

2. Con chung: Giao cháu Trịnh Lê Tú A, sinh ngày 11 tháng 9 năm 2019 cho chị Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Anh V không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của chị T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Lê Thị Th phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ khoản tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0000081 ngày 03 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trịnh Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- T.H.A dân sự huyện Kim Bảng;
- UBND xã Lê Hồ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt